TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2023/HS-ST
Ngày: 04/01/2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Văn Lấy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Di – Giáo viên hưu trí

2. Ông Ngô Anh Tuấn – Phó Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam huyện TR

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TR

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TR* tham gia phiên tòa**: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

**T**rong ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TR xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2022/HSST, ngày 02 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TR, đối với các bị cáo:

**1.** Họ và tên: **Mai Văn T**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 17.01.2004, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án; Tiền sự: không

**Hoạt động nhân thân:** Tại quyết định số 0012072 ngày 26.8.2022 của Công an huyện TR xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng đối với Mai Văn T về hành vi Cố ý gây thương tích.

**Quan hệ gia đình:** Cha: Mai Văn Th; sinh năm 1973, hiện cư trú tại thôn 1, xã Ph, huyện TR; mẹ: Trần Thị P, sinh năm 1975 (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2017; Vợ; con: chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23.9.2022 đến ngày 23.12.2022, hiện đang tại ngoại tại xã Ph, huyện TR; Có mặt

**2.** Họ và tên: **Trần Quang H**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 06.4.2005, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án; tiền sự: không

**Quan hệ gia đình:** Cha: Trần Văn T4; sinh năm 1971, mẹ: Thông Thị T3, sinh năm 1978, hiện cư trú tại thôn 3, xã Ph, huyện TR; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002; Vợ; Con: chưa có**;**

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23.9.2022 đến ngày 23.12.2022, hiện đang tại ngoại tại xã Ph, huyện TR; Có mặt

**3.** Họ và tên: **Lê Nhiếp B**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 16.3.2007, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: làm biển; Tiền án; tiền sự: không

**Quan hệ gia đình:** Cha: Lê Văn T4; sinh năm 1988, mẹ: Dương Thị T5, sinh năm 1989, hiện cư trú tại thôn 1, xã Ph, huyện TR; Anh, chị, em ruột: không có**;** Vợ, Con: chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23.9.2022 đến ngày 23.12.2022, hiện đang tại ngoại tại xã Ph, huyện TR; Có mặt

**4.** Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 02.01.2002, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: làm biển; Tiền án; tiền sự: không

**Quan hệ gia đình:** Cha: Nguyễn Văn H; sinh năm 1983, mẹ: Trương Thị X, sinh năm 1983, hiện cư trú tại thôn 1, xã Ph, huyện TR; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2010; Vợ, Con: chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23.9.2022 đến ngày 23.12.2022, hiện đang tại ngoại tại xã Ph, huyện TR; Có mặt

**5.** Họ và tên: **Lý Trọng N**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 18.4.2003, tại tỉnh Bình Thuận; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: làm biển; Tiền án; tiền sự: không

**Quan hệ gia đình:** Cha: Lý Hữu C; sinh năm 1976, mẹ: Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1978. hiện cư trú tại thôn 1, xã Ph, huyện TR; Anh, chị, em ruột: có 01 người, sinh năm 2000; Vợ, Con: chưa có

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10.10.2022 đến ngày 23.12.2022, hiện đang tại ngoại tại xã Ph, huyện TR; Có mặt

- Người giám hộ cho bị cáo Trần Quang H: Bà Thông Thị T3, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

- Người giám hộ cho bị cáo Lê Nhiếp B: Bà Dương Thị T5, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

- Người B1 vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo H và bị cáo B: Ông Nguyễn Trường Duy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý tỉnh Bình Thuận; Có mặt

- Người bị hại: ông Phan Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn 2, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

-Người Làm chứng:

1/ Lê Văn T6, sinh năm 2005; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

2/ Nguyễn Văn C1, sinh năm 2004; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

3/ Dương Văn C2, sinh năm 2004; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

4/ Nguyễn Hữu T7, sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

5/ Nguyễn Thanh K, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn 2, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

(tất cả có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Mai Văn B, sinh năm 1999; Địa chỉ: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

2/ Hồ Văn T8, sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

3/ Mai Ngọc S, sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

4/ Đỗ Văn K1, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn 2, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

5/ Đỗ T9, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn 2, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

6/ Đỗ Ph, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn 2, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

7/ Huỳnh Văn T10, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

8/ Nguyễn Văn K1, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn 3, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

9/ Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn 1, xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận;

(có mặt B và K1, còn lại vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Nguyễn Văn H2 (Dinh) sinh năm 1984 có mâu thuẫn với nhóm của Mai Văn B1 (B1 Anh) sinh năm 1999, Mai Văn T (B1 Em) sinh năm 2004 là hai anh em ruột. Khoảng 23 giờ ngày 28.5.2022, T gọi điện thoại cho B1 nói việc T bị nhóm của Hướng đòi đánh, B1 nói T đi lên nhà Hướng để nói chuyện với Hướng. B1 cầm 01 con dao phay có cán dài khoảng 10cm, lưỡi dài khoảng 20cm, B1 đưa cho T cầm 01 bình xịt hơi cay sau đó có 01 người thanh niên (chưa rõ lai lịch) chở T4 và B1 đến nhà H3. Khi đến nhà Hướng thì lúc này có 3 đến 4 người đang nH trước hiên nhà H3. Khi B1 bước xuống xe thấy H3 cầm 01 cây rựa dài thì B1 nói *"ông làm cái gì vậy"* thì lúc này T lao tới giằng co với H3. B1 dùng tay kéo T ra không được nên B1 dùng dao cầm bằng tay trái chém 02 nhát vào người H3 sau đó B1 đưa T cùng đi về nhà.

Sau khi sự việc đánh nhau tại nhà H xong thì T tiếp tục đi chơi. T đi đến công viên mới thuộc xã Ph để chơi cùng nhóm bạn gồm có Nguyễn Văn T1 sinh năm 2002; Lê Nhiếp B sinh năm 2007, Lý Trọng N sinh năm 2003 đều cư trú tại thôn 1, xã Ph; Nguyễn Thanh K sinh năm 2000, cư trú thôn 2, xã Ph, Dương Văn C2 sinh năm 2004, Trần Quang H sinh năm 2005 đều cư trú tại thôn 3, xã Ph.

Sau khi bị B1 và T đánh, lúc này khoảng 23 giờ 30 phút, 28.5.2022 ngày thì Nguyễn Văn H2 gọi điện thoại cho Đỗ Ph (Út xì) sinh năm 1991 (em ruột H2) nói việc H2 bị nhóm B1 và T đánh. Lúc này Ph gọi điện thoại cho Phan Văn T2 (xì dầu) sinh năm 1993 (là anh họ của H2) sau đó Ph điều khiển xe mô tô biển số 85C1-484.76 chạy đến nhà H2 thì nhìn thấy H2 bị thương. Ph chạy về nhà lấy 01 cây rựa sau đó đi tìm nhóm B1. Lúc này Đỗ T9 (chàm) sinh năm 1991 (em ruột H2) đang ở nhà thì nghe mẹ của T9 nói H2 bị đánh gây thương tích nên T9 cùng Đỗ Văn K1 sinh năm 1967 (là cha H2) cùng đi tìm nhóm người gây thương tích cho Hướng. K1 cầm 01 cây dao và 01 cây rựa, T9 cầm 01 cây rựa đi đến nhà Tư Thành thuộc thôn 2, xã Ph thì K1, Tương, Ph và T2 gặp nhóm của T (B1 em), T1, B, N, K, C2 và H đang ngồi. K1, T9, P và T2 cầm hung khí rượt đuổi nhóm của T, nhóm của T bỏ chạy về phía hướng biển. Khi đến đây, H vào trại tự dựng tại khu vực bờ kè biển lấy 01 cây dao phay cán và lưỡi bằng kim loại, dài khoảng 60cm, B đi lấy 01 cây dao phay dài khoảng 50cm trước nhà người dân, Nhân lấy 01 cây sào bằng tre dài khoảng 01m, T cầm 01 cây sắt hình hộp dài khoảng 45cm, được mài mòn 02 đầu, T1 cầm 02 cục đá.

Lúc này nhóm của T ném vỏ chai bia về phía nhóm của Khì, hai bên ném qua lại thì Khì cùng Tương, Phùng và Ton bỏ chạy. Nhóm T, H, B, T1 và N cầm hung khí rượt đuổi, T1 cầm 02 cục gạch ném về phía T2 nhưng không trúng, T2 chạy phía sau cùng, trong lúc bị rượt đuổi thì T2 cầm 01 cây rựa quay lại chém trúng vào đùi và chân trái của T1 gây thương tích. T2 tiếp tục bỏ chạy một đoạn thì bị vấp té ngã. Lúc này H chạy đến cầm dao chém 01 nhát hướng từ trên xuống vào người Ton, Ton đưa tay trái lên đỡ thì lưỡi dao trúng vào tay của T2, H tiếp tục chém từ 02 đến 03 nhát nữa trúng vào tay phải, đầu của T2, T cầm T sắt đánh vào tay trái của T2, B dùng con dao chém 01 nhát trúng vào tay trái của T2, N cầm cây sào rượt đuổi T2 một đoạn khoảng 30m thì thấy T1 bị thương tích chảy máu. T2 cầm cầm cây sào tre đánh 01 cái vào người T1 (theo lời khai của B) nhưng N không thừa nhận đánh T2 mà chỉ cầm cây rượt đuổi. T2 gượng đứng dậy vứt cây rựa bỏ chạy thì nhóm T tiếp tục rượt đuổi T2 về nhà. Ton bị thương tích được người nhà đưa đến Trung tâm y tế TR cấp cứu sau đó chuyển đến bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận để điều trị. T1 được đưa đến trung tâm y tế huyện TR điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 394/2022/TgT ngày 15.7.2022 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bình Thuận kết luận: Thương tích của Phan Văn T2:

- Vết thương – chấn thương vùng đỉnh trái, mẻ bàn ngoài xương sọ đỉnh trái đã được điều trị, hiện ổn định, để lại sẹo lành kích thước: 3,5 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%+1%.

- Vết thương – chấn thương vùng đỉnh phải, mẻ bàn ngoài xương sọ đỉnh phải đã được điều trị, hiện không thấy mẻ bàn ngoài xương sọ đỉnh phải trên phim Xquang và phim CT-Scanner, để lại sẹo lành kích thước: 3x0,6cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Vết thương – chấn thương mặt trước trong cẳng – cổ tay phải, mẻ xương thang tay phải, đứt thần kin trụ, động mạch trụ, gân gấp chung các ngón nông, sâu III, IV, V gân gấp cổ tay trụ bên phải đã được phẫu thuật điều trị, hiện hạn chế cử động gấp, duỗi, xoay cổ tay phải, ngon III, IV, V bàn tay phải hạn chế cử động: gấp, duỗi, dạng, khép ngon, hạn chế cử động đối ngon: I-IV, I-V; để lại sẹo vết thương trùng với sọe vết mổ kích thước: 9,5x0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 16% + 5% + 11% + 4% + 1% + 1% + 1% + 2%.

- Vết thương mặt sau cổ tay trái, đứt gân duỗi ngón II, II, IV, V bàn tay trái đã được phẫu thuật điều trị, hiện cổ tay trái hạn chế cử động gấp, duỗi, xoay cỏ tay; ngon II bàn tay trái hạn chế cử động gấp, duỗi ngon; để lại sẹo vết thương trùng với sẹo vế mổ kích thước: 7,5 x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 16% + 3% + 2%.

-Sây sát da gối trái đã được điều trị, hiện để lại mảng thâm mờ kích thước: 1x1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 0,5%.

- Sây sát da gối phải đã được điều trị, hiện để lại màng thâm mờ kích thước: 4x3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 0,5%.

- Chấn thương ngón I bàn chân phải đã được điều trị, hiện mất móng ngón I bàn chân phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho ông Phan Văn Ton hiện tại là *55% (năm mươi lăm phần trăm).*

- Các vết thương vùng đỉnh trái, đỉnh phải, thái dương đỉnh phải, cẳng – cổ tay phải, cổ tay trái do vật sắc gây ra; Sây sát da gối trái – phải, chấn thương ngón I bàn chân phải do vật tày gây ra.

- Vết thương vùng đỉnh trái, đỉnh phải có chiều hướng tác động từ trên xuống dưới; Vết thương vùng thái dương đỉnh phải có chiều hướng tác động từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, vết thương – chấn thương cẳng – cổ tay phải, cổ tay trái, sây sát da gối trái, gối phải, chấn thương ngón I bàn chân phải có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 417/2022/TgT ngày 01.8.2022 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bình Thuận kết luận: Thương tích của Nguyễn Văn T1:

- Vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt trong đùi phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành tốt, kích thước: 13x0,6cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt sau ngoài cẳng chân trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 4,5 x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho ông Nguyễn Văn T1 hiện tại là 5%.

- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Các vết thương có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TR: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 175/CT-VKSTP-HS ngày 02/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TR.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N phạm tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 (có 02 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50, 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Mai Văn T mức án từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50, 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Trần Quang H  mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50, 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lê Nhiếp B mức án từ 18 tháng  đến 24  tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50, 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 50, 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lý Trọng N mức án từ 18 tháng  đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án

Về tang vật chứng của vụ án: Đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện TR tạm giữ gồm:

-01 cây dao dài 38cm, phần cán dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng 4cm của Đỗ Tương.

-01 cây dao dài 53cm, phần cán dài 20cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 33cm thu giữ của Đỗ Văn K1.

Đây là công cụ liên quan đến vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

-Thu giữ 01 đoạn video thời lượng 13 phút 52 giây và 01 đoạn Video thời lượng 21 phút, đã được lưu trữ, niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Riêng các hung khí gồm: 02 cây dao phay; 01 cây sào bằng tre; 01 cây sắt; 01 cây rựa, 02 cục đá và vỏ chai bia các đối tượng đã ném mất, không truy tìm được nên không xem xét, xử lý.

-Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị hại Phan Văn T2 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 73.000.000 đồng và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm tiền mất thu nhập là 144.000.000 đồng. Xét số tiền 73.000.000đồng bị hại yêu cầu đây là các khoản có hóa đơn chứng từ nên yêu cầu hợp pháp nên chấp nhận toàn bộ. Đối với yêu cầu tiền công lao động bị hại yêu cầu 144.000.000 đồng là không hợp lý nên chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu tiền mất thu nhập là 42.000.000 đồng (7 tháng x 200.000đ/tháng). Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 103.600.000 đồng, bị hại thừa nhận đã nhận của các bị cáo số tiền 103.600.000 đồng, vì vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 11.400.000 đồng.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Trần Quan H và bị cáo Lê Nhiếp B, phát biểu lời bào chữa: Ông thống nhất quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt cũng như các vấn đề khác có liên quan và không có ý kiến gì khác với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo H và bị cáo B với mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đưa ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H và bị cáo B được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát

Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì bị cáo đã nhận thức được những lỗi lầm của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện TR: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo cùng khai nhận toàn hành vi của mình theo như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện TR đã truy tố các bị cáo.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án *"Cố ý gây thương tích",* xảy ra vào khoảng 23 giờ 30 phút, 28.5.2022 tại khu vực Công viên thuộc thôn 2, xã Ph, huyện TR. Do bị cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N đã cùng nhau rượt đuổi Phan Văn T2. Các bị cáo T, H, B, T1 và N đã dùng hung khí dao, cây sắt, sào tre rượt đuổi sau đó đánh và chém vào vùng đầu, tay, chân của Phan Văn T2 gây thương tích 55% cho Ton.

Vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T, H, B, T1 và N cùng nhau thống nhất ý chí tham gia rượt đuổi, đánh và chém Phan Văn Ton nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung về H quả gây ra.

Các bị cáo đã dùng dao, cây sắt, sào tre rượt đuổi đánh và chém gây thương tích cho người bị hại, đây là những hung khí nguy hiểm nên đủ yếu tố cấu thành tội "cố ý gây thương tích" được quy định tại điểm điểm c khoản 3 Điều 134 có 01 tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vì vậy, Cáo trạng số 175/CT-VKS-TP ngày 02/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TR truy tố các bị cáo bị cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N phạm tội: Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm điểm c khoản 3 Điều 134 có 01 tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng với bản tính hung hăng, côn đồ, mặc dù bị hại sợ bỏ chạy nhưng các bị cáo rượt đuổi dùng dao, cây sắt, sào tre rượt là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp pháp luật, hành động của các bị cáo đã xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an nơi công cộng nên cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, đã bồi thường 01 phần các chi phí điều trị thương tích theo yêu cầu của người bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo 01 phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Xét các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ Luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo có nhân thân rõ ràng,

bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã khắc phục 01 phần H quả cho người bị hại, sự việc xảy ra có 01 phần lỗi của người bị hại, đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo dưới mức khung hình phạt mà Bộ luật quy định.

Tuy nhiên bị cáo Mai Văn T và bị cáo Trần Quang H là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại Phan Văn Ton nên xét xử các bị cáo nghiêm minh hơn các bị cáo còn lại, vì vậy cần phải cách ly bị cáo T và bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe giáo dục các bị cáo.

Còn bị cáo Lê Nhíp B tuy có tham gia nhưng chỉ dùng hung khí chém duy nhất một nhát vào người bị hại, hiện bị cáo còn đang đi học nếu cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội sẽ làm gián đoạn việc học của bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Lý Trọng N chỉ tham gia với vai trò giúp sức, không phải người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên các bị cáo B, T1 N đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo bên ngoài dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo.

Riêng bị cáo Trần Quang H và bị cáo Lê Nhiếp B thực hiện hành vi phạm tội ở độ tuổi vị thành niên (dưới 18 tuổi) nên áp dụng chương XII của Bộ luật hình sự để xử lý đối với H và B.

Đối với bị hại Phan Văn T2 có hành vi gây thương tích cho bị cáo Nguyễn Văn T1, ngày 11.10.2022, bị cáo T1 có đơn xin bãi nại và rút yêu cầu khởi tố đối với Phan Văn T2 nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TR ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can đối với T2 là đúng quy định pháp luật.

Riêng đối với hành vi của Đỗ Văn K1, Đỗ Ph, Đỗ T9, Dương Văn C2, Nguyễn Văn C1, Lê Văn T6, Mai Văn B1, Mai Ngọc S và Hồ Thanh T8 chưa đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TR đã có công văn số 296/CQCSĐT ngày 13.10.2022, chuyển hồ sơ đến Công an huyện TR để xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi của Mai Văn B1 và Mai Văn T dùng dao chém Nguyễn Văn H2 gây thương tích. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TR thụ lý giải quyết trong vụ án khác. H2 có đơn xin bãi nại, rút yêu cầu khởi tố nên vụ án đã được đình chỉ điều tra.

[5] Về tang vật chứng của vụ án: Đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện TR tạm giữ gồm: 01 cây dao dài 38cm, phần cán dài 10cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng 4cm của Đỗ T9; 01 cây dao dài 53cm, phần cán dài 20cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 33cm thu giữ của Đỗ Văn K1. Đây là những vật cấm nên tịch thu tiêu hủy;

- Thu giữ 01 đoạn video thời lượng 13 phút 52 giây và 01 đoạn Video thời lượng 21 phút, đã được lưu trữ, niêm phong kèm theo hồ sơ vụ án.

Riêng các hung khí gồm: 02 cây dao phay; 01 cây sào bằng tre; 01 cây sắt; 01 cây rựa, 02 cục đá và vỏ chai bia các đối tượng đã ném mất, không truy tìm được nên không xem xét, xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị hại Phan Văn T2 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 73.000.000 đồng và tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm tiền mất thu nhập là 144.000.000 đồng. Xét số tiền 73.000.000đồng bị hại yêu cầu đây là các khoản có hóa đơn chứng từ nên yêu cầu của bị hại là hợp pháp nên chấp nhận toàn bộ. Đối với yêu cầu tiền công lao động bị hại yêu cầu 144.000.000 đồng (300.000đ/ngày x 20 ngày x 24 tháng), tuy nhiên tính từ ngày xảy ra thiệt hại đến nay chỉ có 07 tháng nhưng bị hại yêu cầu 24 tháng tiền công lao động là không hợp lý nên chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu tiền mất thu nhập là 42.000.000 đồng (7 tháng x 200.000đ/ngày). Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 103.600.000 đồng, bị hại thừa nhận đã nhận của các bị cáo số tiền 103.600.000 đồng như các bị cáo xác nhận và đồng ý trừ số tiền đã nhận, vì vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 11.400.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 4.400.000đồng bị cáo Mai Văn T đã nộp tại biên lai thu số 0001668 ngày 31/10/2022 và 4.600.000đồng bị cáo Mai Văn T đã nộp tại biên lai thu số 0001693 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TR để đảm B1 cho việc thi hành án;

Tạm giữ số tiền 4.600.000 đồng bị cáo Trần Quang H đã nộp tại biên lai thu số 0001694 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TR để đảm B1 cho việc thi hành án.

[7] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TR: Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TR giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 có 01 tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TR về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo T, H, Nhân là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, tuy nhiên đối với bị cáo B và bị cáo T1 mức hình đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo, vì vậy cần phải xem xét lượng mức hình phạt các bị cáo cho phù hợp, do bị cáo B và bị cáo T1 tham gia đồng phạm chỉ với vai trò giúp sức.

Xét quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa theo luật định cho bị cáo Trần Quang H và bị cáo Lê Nhiếp B. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo H và bị cáo B với mức án thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo. Lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý phù hợp với tình chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N phạm tội: "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Mai Văn T 36** (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quang H 18** (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Nhiếp B 18** (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36** (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T1 24** (hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lý Trọng N 18** (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36** (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lê Nhíp B, Nguyễn Văn T1, Lý Trọng N cho UBND xã Ph, huyện TR, tỉnh Bình Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 590, Điều 357 Bộ Luật dân sự;

Buộc các bị cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N phải liên đới bồi thường cho người bị hại Phan Văn T2 số tiền 11.400.000đ (mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng)

Riêng bị cáo Trần Quang H và bị cáo Lê Nhiếp B phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ các bị cáo phải bồi phần còn thiếu bằng tài sản của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Mai Văn T, Trần Quang H, Lê Nhiếp B, Nguyễn Văn T1 và Lý Trọng N mỗi người phải nộp **200.000đ** (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế độ án treo cho các bị cáo)

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện TR;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện TR;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện TR;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Văn Lấy**